TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Màu

Ông Phan Văn Tạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số M đường P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Quế N, sinh năm 1988. Chức vụ: Phó phòng phát triển kinh doanh của Ngân hàng A – Chi nhánh Sóc Trăng (có mặt). Địa chỉ: Số H đường Quốc L, khóm M, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định ủy quyền số 28/QĐ-STG ngày 10/9/2018 của Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Sóc Trăng).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Diễm T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số T đường Ngô Gia T, khóm B, phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2018 của nguyên đơn Ngân hàng A, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Quế N trình bày:

Ngày 07/7/2016 Ngân hàng A – Chi nhánh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị Diễm T đã ký kết giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và danh sách cho vay trả góp hội liên hiệp phụ nữ phường S (số 01567287) với số tiền vay 10.000.000 đồng. Mục đích vay là buôn bán. Lãi suất cho vay 15,6%/năm, lãi suất quá hạn 23,4%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 07/7/2016 đến ngày 07/7/2017, hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền 10.000.000 đồng cho bà T nhưng bà T chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi cho ngân hàng từ ngày 07/7/2016 đến ngày 08/3/2018, vốn 4.343.053 đồng, lãi trong hạn 1.128.947 đồng, lãi quá hạn 0 đồng. Tổng cộng là 5.472.000 đồng thì ngưng trả cho đến nay. Do bà T vi phạm mục III phần cam kết của người vay về việc cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định của Ngân hàng. Tính đến ngày 10/10/2018 bà T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Vốn 5.656.947 đồng, lãi trong hạn 431.053 đồng, lãi quá hạn 2.068.123 đồng. Tổng cộng 8.156.123 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Diễm T trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 10/10/2018 là 8.156.123 đồng, trong đó tiền vốn là 5.656.947 đồng, lãi trong hạn là 431.053 đồng, lãi quá hạn là 2.068.123 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi tất nợ gốc.

- Bị đơn bà Lê Thị Diễm T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn trả lời và đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Về xác định loại án: Do trong nội dung đơn khởi kiện Ngân hàng trình bày mục đích bà T vay tiền để tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên, theo giấy đăng ký

vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng và bà T thể hiện mục đích vay tiền để buôn bán và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng thừa nhận bà T vay tiền là để bổ sung vốn buôn bán nhỏ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Diễm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Diễm T.

[2] Theo thông báo thụ lý vụ án số 77/TB-TLVA ngày 17/4/2018 và trong quá trình giải quyết, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, loại án là án dân sự, nhưng theo giấy đăng ký vay tiền trả góp vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/07/2016 đã ký kết giữa Ngân hàng và bà T thể hiện mục đích vay tiền để buôn bán và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của của nguyên đơn cũng thừa nhận là bà T vay tiền là để bổ sung vốn buôn bán nhỏ. Xét thấy, khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án "Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận". Xét thấy, Ngân hàng là tổ chức có đăng ký kinh doanh và bà T vay tiền để bổ sung vốn buôn bán là có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu bà Lê Thị Diễm T hoàn trả số tiền vay tổng cộng là 8.156.123 đồng, trong đó tiền vốn là 5.656.947 đồng, tiền lãi là 2.499.176 đồng (lãi trong hạn là 431.053 đồng, lãi quá hạn là 2.068.123 đồng). Theo đó, Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án bản sao giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/07/2016 và danh sách cho vay trả góp Hội liên hiệp phụ nữ phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng ngày 07/7/2016; đã ký giữa Ngân hàng với bên vay là bà Lê Thị Diễm T. Xét thấy, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án số 77/TB-TLVA ngày 17/4/2018 nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng

và bà T có giao kết giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/07/2016, danh sách cho vay trả góp Hội liên hiệp phụ nữ phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng ngày 07/7/2016.

[4] Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/07/2016, danh sách cho vay trả góp Hội liên hiệp phụ nữ phường S, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng ngày 07/7/2016 thì bà T có vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 15,6%/năm, mục đích vay để buôn bán. Các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T đã không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay theo đúng thỏa thuận, cụ thể sau khi vay bà T trả được số tiền tổng cộng 5.472.000 đồng (gồm tiền vốn 4.343.053 đồng, tiền lãi 1.128.947 đồng). Sau đó thì không trả vốn, lãi nữa. Nay Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 5.656.947 đồng. Xét thấy, bà T đã nhận tiền vay của Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng nhưng đến nay bà T mới trả cho Ngân hàng số tiền vốn 4.343.053 đồng, còn nợ lại số tiền vốn 5.656.947 đồng. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Như vậy, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn theo thỏa thuận nên đã vi phạm vào mục III phần cam kết của bên vay trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/07/2016 mà hai bên đã ký kết nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà T phải hoàn trả số tiền vốn còn nợ là 5.656.947 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi 2.499.176 đồng, lãi trong hạn là 431.053 đồng, lãi quá hạn là 2.068.123 đồng, với lãi suất trong hạn là 15,6%/năm, lãi quá hạn là 23,4%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 30/12/2016 đến ngày 10/10/2018. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*"; Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định *"1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng*

nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng". Xét giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/07/2016 Ngân hàng và bà T thỏa thuận lãi suất là 15,6%/năm và lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là 8.156.123 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 5.656.947 đồng; tiền lãi là 2.499.176 đồng (lãi trong hạn là: 431.053 đồng; lãi quá hạn là: 2.068.123 đồng).

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Lê Thị Diễm T phải chịu án phí số tiền 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

2. Buộc bị đơn bà Lê Thị Diễm T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn và lãi vay là 8.156.123 đồng, trong đó tiền vốn là 5.656.947 đồng; tiền lãi là 2.499.176 đồng (lãi trong hạn là: 431.053 đồng; lãi quá hạn là: 2.068.123 đồng).

Kể từ ngày 11/10/2018 bà Lê Thị Diễm T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Diễm T phải chịu án phí số tiền 3.000.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001608 ngày 06/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND – TP P;
- Thi hành án DS – TP P;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền